

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-ST
Ngày: 28-6-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn.
2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm số 27/TB-TA ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ô6/89C, tổ 3, Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh TN.

Đại diện theo ủy quyền của chị T là chị Kim Cẩm T1, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Khu phố L, phường N1, thành phố TN, tỉnh TN. (theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/6/2021). (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Anh Hồ Quốc D, sinh năm 1988.

2.2. Chị Nguyễn Thị Lan N, sinh năm: 1988.

Cùng địa chỉ: D40/12, ấp M, xã Đ, huyện G, tỉnh TN.

Đại diện theo ủy quyền của chị N là anh Hồ Quốc D, sinh năm: 1988. Địa chỉ: D40/12, ấp M, xã Đ, huyện G, tỉnh TN. (theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/6/2022). (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23-6-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Kim T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Kim Cẩm T1 trình bày:

Do quen biết nên ngày 22-01-2020 chị Nguyễn Kim T có cho vợ chồng anh Hồ Quốc D và chị Nguyễn Thị Lan N vay số tiền 350.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 60 ngày kể từ ngày 24-01-2020 vợ chồng anh D, chị N sẽ trả lại. Mục đích vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng. Khi vay giữa chị T với anh D, chị N có làm giấy giao nhận tiền do anh D, chị N ký tên trên giấy và anh D có viết thêm ở mặt sau giấy giao nhận tiền nội dung là vợ chồng anh D, chị N cam kết trong vòng 60 ngày anh chị sẽ trả tiền lại cho chị T. Nhưng kể từ ngày vay cho đến nay vợ chồng anh D, chị N chưa trả số tiền gốc và lãi nào cho chị T. Chị T đã nhiều lần đến nhà đòi tiền nhưng vợ chồng anh D, chị N cố tình trốn tránh mà không chịu trả nợ.

Hiện tại anh D, chị N vẫn đang sống chung trong thời kỳ hôn nhân và việc vay mượn này cả hai vợ chồng cùng ký tên mượn chị T nên chị T yêu cầu anh D, chị N phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả số nợ này cho chị T.

Nay chị Kim Cẩm T1 là người đại diện theo ủy quyền của chị T trình bày, chị T yêu cầu vợ chồng anh D, chị N có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay gốc là 350.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm (tức 0,83%/tháng), kể từ ngày 25-3-2020 cho đến ngày Tòa án xét xử xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hồ Quốc D trình bày:

Anh thừa nhận là vào năm 2018 chị N có mượn tiền của chị T với số tiền là 255.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất bằng miệng được chia thành 02 khoản theo tiền gốc cụ thể: Đối với số tiền 195.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/ngày, 07 ngày đóng một lần. Đối với số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Trả lãi bằng nhiều hình thức, trả tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển khoản qua số tài khoản của chị T. Khi trả lãi thì không có làm giấy. Sau đó vợ chồng anh gặp khó khăn không còn khả năng trả lãi nữa. Nên chị T cộng dồn tiền gốc và tiền lãi tổng cộng số tiền 350.000.000 đồng và chị T có làm giấy giao nhận tiền với vợ chồng anh. Anh có cung cấp cho tòa 02 biên nhận (in ra từ điện thoại) thể hiện việc tính lãi giữa chị T với vợ chồng anh, nhưng nội dung 02 biên nhận cụ thể như thế nào thì anh không cung cấp được và anh cũng không có bản chính do đã thất lạc. Nay anh thừa nhận anh và chị N có ký xác nhận nợ với chị T số tiền 350.000.000 đồng, chữ ký trong giấy giao nhận tiền và chữ viết, chữ ký phần mặt sau tờ giấy giao nhận tiền là do anh viết và anh với chị N cùng ký tên trên giấy.

Qua quá trình làm việc tại Tòa, nay anh và là người đại diện theo ủy quyền của chị N chấp nhận còn nợ và đồng ý cùng chị N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền vay gốc 350.000.000 đồng, do anh và chị N đang gặp khó khăn nên anh xin không trả lãi cho chị T.

Tại bản tự khai ngày 14/02/2022 bị đơn chị Nguyễn Thị Lan N trình bày:

Chị là vợ của anh Hồ Quốc D, chị thừa nhận là vào năm 2018 chị có mượn tiền của chị T với số tiền là 255.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất bằng miệng được chia thành 02 khoản theo tiền gốc cụ thể: Đối với số tiền 195.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/ngày, 10 ngày đóng một lần. Đối với số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Trả lãi bằng hình thức trả tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển khoản qua số tài khoản của chị T. Khi trả lãi thì không có làm giấy tờ. Đến tháng 01/2020 DL chị không có khả năng trả lãi và gốc đúng hạn nên chị và anh D có ký giấy xác nhận nợ với chị T số tiền 350.000.000 hay 379.000.000 (chị không nhớ rõ). Sau đó vào năm 2020, 2021 chị và anh D có trả thêm tiền cho chị T nhưng chị không nhớ là trả bao nhiêu và cũng không có giấy tờ gì chứng minh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Kim T do chị Kim Cẩm T1 là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Hồ Quốc D và chị Nguyễn Thị Lan N do anh Hồ Quốc D là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T đối với anh Hồ Quốc D, chị Nguyễn Thị Lan N. Buộc anh D, chị N có trách nhiệm liên đới trả cho chị T số tiền 350.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự, phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Kim T khởi kiện anh Hồ Quốc D và chị Nguyễn Thị Lan N phải trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật được Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh D và chị N có

địa chỉ cư trú tại huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Kim Cẩm T1 là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Hồ Quốc D và chị Nguyễn Thị Lan N do anh D là người đại diện theo ủy quyền của chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh D theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T: Chị T yêu cầu anh D và chị N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm (tức 0,83%/tháng), kể từ ngày 25-3-2020 cho đến ngày Tòa án xét xử xong. Lý do chị T yêu cầu như trên là vì vào ngày 22-01-2020 chị T có cho vợ chồng anh Hồ Quốc D và chị Nguyễn Thị Lan N vay số tiền 350.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 60 ngày kể từ ngày 24-01-2020, nhưng từ ngày đó đến nay vợ chồng anh D, chị N vẫn chưa trả cho chị khoản tiền gốc lãi nào.

Anh D thừa nhận anh và chị N có nợ và đồng ý trả số tiền vay gốc như yêu cầu của chị T nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Tuy nhiên, anh D xin không trả lãi vì hiện tại anh và chị N đang gặp khó khăn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, chị T đã cung cấp cho Tòa giấy giao nhận tiền và cam kết thời gian trả nợ do vợ chồng anh D và chị N ký tên trên giấy và đã được anh D thừa nhận trong quá trình làm việc tại Tòa. Tuy nhiên, nội dung giấy giao nhận tiền giữa chị T và vợ chồng anh D, chị N không ghi cụ thể việc thỏa thuận lãi suất, nhưng chị T thừa nhận là có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2%/tháng và anh D cũng thừa nhận có thỏa thuận lãi suất bằng miệng khoảng 6%/tháng nhưng anh không có tài liệu hay chứng cứ gì chứng minh. Do đó, đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi nhưng lãi suất do các bên thỏa thuận cao hơn so với quy định của pháp luật nên cần xác định lại lãi suất theo yêu cầu của chị T là 10%/năm (tức 0,83%/tháng) là phù hợp.

Từ những phân tích như trên, thấy rằng đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi và việc anh D, chị N vay mà chưa trả tiền vay cho chị T là có thật nên chị T yêu cầu anh D, chị N cùng có nghĩa vụ trả là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc anh D và chị N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền vay gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 25-3-2020 cho đến ngày xét xử (ngày 28-6-2022) là 27 tháng 03 ngày x 350.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 78.724.800 đồng, tổng cộng gốc và lãi 428.724.800 đồng là phù hợp với các điều 288, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự.

Đối với tiền lãi kể từ ngày 29-6-2022 cho đến khi thi hành án xong được thực hiện theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Từ những nhận định trên xét thấy toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Do toàn bộ yêu cầu của chị T được Tòa án chấp nhận nên anh D, chị N phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T đối với anh Hồ Quốc D và chị Nguyễn Thị Lan N về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Hồ Quốc D và chị Nguyễn Thị Lan N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Kim T số tiền 428.724.800 đồng (*Bốn trăm hai mươi tám triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm*) đồng, trong đó: Tiền vay gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi 78.724.800 đồng.

Kể từ ngày 29-6-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Hồ Quốc D và chị Nguyễn Thị Lan N có nghĩa vụ liên đới chịu 21.148.992 đồng (*làm tròn 21.149.000 đồng*)(*Hai mươi một triệu một trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0023770 ngày 21-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

